

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2020/DS-ST
Ngày: 01-7-2020
V/v tranh chấp “hợp đồng hui và
hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Ngọc Liêm;
2. Ông Võ Lâm Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 01 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **09/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2020** về tranh chấp về “hợp đồng hui và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2020/QĐXX-ST ngày 19 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1972; Nơi cư trú: ấp T2, thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị T: Ông Bùi Quốc N, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số 423, ấp MH, thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang (theo Giấy ủy quyền ngày 20/11/2019, số chứng thực 38, quyền số 01/2019-SCT/CK, ĐC của UBND thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang) (có mặt).

2. Bị đơn:

Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1955 (vắng mặt);

Bà Nguyễn Thị Thu V (T), sinh năm 1956.

Nơi cư trú: cùng cư trú ấp T2, thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu V: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; địa chỉ: số 477A/24, QCT, khóm BT3, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 13/02/2020) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản có trong hồ sơ vụ án ông Bùi Quốc N đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bà V là hội viên có tham gia các dây hội do bà T làm chủ cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất: Hội ngày 20.000đ/1ngày/1chân; hội khai lần đầu vào ngày 16/4/2019, dây hội này ông T, bà V tham gia 100 chân, dây hội có 52 hội viên. Bà V đã hốt nhưng không châu hội chết nên bà T châu thay. Tổng công dây hội này bà V thiếu 65.000.000 đồng.

Dây hội thứ hai: Hội 3.000.000 đồng, có tổng cộng 24 hội viên, hội khai lần đầu vào ngày 09/7/2018 (âl), bà V tham gia 01 chân; hội khai đến tháng 10/2018 thì hốt. Sau đó có đóng hội chết cho bà T đến tháng 4 năm 2019 thì không đóng nữa. Tính đến ngày khởi kiện bà V đã thiếu bà T 6 tháng không đóng hội chết là 18.000.000 đồng. Dây hội này còn 10 lần nữa thì mãn.

Ngoài ra vào tháng 12/2018 bà V và ông T có vay của bà T số tiền 50.000.000 đồng.

Bà có đòi nhiều lần nhưng ông T bà V hứa mà không trả. Ngày 16/10/2019 bà có thưa tại Ủy ban thị trấn ML thì bà V, ông T có xác nhận vào biên nhận nợ hiện nay còn thiếu bà T số tiền hội là 83.000.000 đồng và tiền vay 50.000.000 đồng. Tổng cộng 133.000.000 đồng. Sau đó bà V có trả cho bà T được 6.000.000 đồng tiền vay. Còn lại 127.000.000 đồng đến nay không trả.

Tại phiên tòa, ông Bùi Quốc N diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu V và ông Huỳnh Văn T trả lại cho bà Võ Thị T số tiền vay và tiền hội 127.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi. Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 6.000.000 đồng mà bà V đã trả cho bà T.

Trong tờ tường tình ngày 11/02/2020 bà Nguyễn Thị Thu V trình bày thống nhất trước đây có tham gia chơi hội và vay tiền như bà T trình bày. Sau khi làm biên nhận nợ bà có trả cho bà T được 6 triệu đồng, số tiền còn hiện nay do hoàn cảnh bà quá khó khăn yêu cầu xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu V: ông Nguyễn Văn P trình bày: thống nhất như tường trình của bà V có thiếu nợ bà T như trong đơn khởi kiện, nhưng bà V có trả cho bà T được 6.000.000 đồng. Thừa nhận hiện nay còn thiếu bà T số tiền 127.000.000 đồng đồng ý trả cho bà T số tiền này còn việc thỏa thuận trả nợ như thế nào là ở giai đoạn thi hành án.

Ông Huỳnh Văn T đã được tòa án tổng đạt đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của ông về nội dung đơn khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Võ Thị T khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu V, ông Huỳnh Văn T tranh chấp về hợp đồng. Bà V, ông T có nơi cư trú tại ấp T2, thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang. Căn cứ các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền;

[1.2] Ông Huỳnh Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Bà Võ Thị T là chủ hội có xác lập giao dịch hội với hội viên, vay cho vay tài sản. Hợp đồng lập thành văn bản là giấy hội, tuy không có ghi số tiền giao nhận nhưng được các bên thừa nhận bằng biên nhận nợ ngày 16/10/2019. Hợp đồng này xác lập trên nguyên tắc tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên các hợp đồng này hợp pháp. Theo yêu cầu khởi kiện đòi trả đủ tiền vốn, bà V thừa nhận nợ chỉ đồng ý trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ vào lời thừa nhận của bà V là có giao dịch, nhận thấy đây là hợp đồng hội và hợp đồng vay, cho đến khi phát sinh tranh chấp thì hội chưa mãn nên chủ hội yêu cầu hội viên phải trả lại cho chủ hội những lần châu hội chết và tiền vay là có cơ sở theo quy định tại các Điều 463, 466 và Điều 471 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không đề cập đến.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay ông Bùi Quốc N đại diện theo ủy quyền của bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 6.000.000 đồng bà V đã trả cho bà T. Cho nên, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đã rút theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Đối với việc ông Huỳnh Văn T tuy không trực tiếp cùng giao dịch hợp đồng hội nhưng ông, bà V là vợ chồng và giao dịch hội với nguyên đơn được xác lập vào thời điểm hôn nhân của ông bà còn tồn tại. Mặc khác trong biên nhận nợ ngày 19/10/2019 ông cũng xác nhận cùng vợ có thiếu bà T số tiền trên. Do đó vợ chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện. Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị Thu V, ông Huỳnh Văn T có trách nhiệm liên đới cùng trả số tiền cho nguyên đơn.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án bà V yêu cầu xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy số nợ này bị đơn thiếu đã lâu nay lại kéo dài thời gian trả nợ sẽ làm ảnh hưởng đến quyền lợi

của nguyên đơn, hơn nữa yêu cầu này không được nguyên đơn đồng ý. Đó đó không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng ông bà có đơn xin miễn án phí do là người cao tuổi, Hội đồng xét xử căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí cho ông bà.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 227, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 463, 466 và 471 Bộ luật Dân sự;

Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T với số tiền 6.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T và xử như sau:

Buộc bà Nguyễn Thị Thu V (T) và ông Huỳnh Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị T số tiền hụi 83.000.000 đồng và tiền vay 44.000.000 đồng. Tổng công 127.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi bảy triệu đồng);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu V, ông Huỳnh Văn T được miễn án phí do là người cao tuổi.

Bà Võ Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.325.000 đồng (Bằng chữ: Ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007800 ngày 03/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử

phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H. CM;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. CM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Dương

